

Số: /BC-UBND

Tam Nông, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 11/2024

Thực hiện Công văn số 43/UBND-HCC ngày 18/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện báo cáo kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*gọi tắt là Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp*) trên địa bàn Huyện tháng 11/2024 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Đối với huyện Tam Nông

Theo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn>*), tháng 11/2024 huyện Tam Nông **đạt 87,35/100 điểm (loại tốt), xếp hạng 06/12 huyện, thành phố.**

- Chi tiết các tiêu chí và số điểm đạt được như sau:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 11 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	13,9 (giảm 4,1)	77,2
02	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,5 (tăng 1,8)	97,74
03	Dịch vụ công trực tuyến	12	7,1 (giảm 0,7)	80,1
04	Thanh toán trực tuyến	10	8,9 (giảm 0,1)	81,03
05	Mức độ hài lòng	18	18	100
06	Số hóa hồ sơ	22	19,9 (tăng 0,1)	90,7

2. Đối với UBND các xã, thị trấn

Điểm số cao nhất là **92,99/100** điểm, điểm thấp nhất là **76,22/100** điểm, trong đó có 03 xã xếp loại xuất sắc; 07 xã, thị trấn xếp loại tốt và 02 xã xếp loại khá, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Điểm tổng	Điểm từng nhóm tiêu chí					
			Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Thanh toán trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ
01	Xã Phú Thành A	92.99	18	20	7.5	8.8	18	20.7
02	Xã Phú Cường	92.8	17.9	19.8	7.5	8.8	18	20.8
03	Xã Phú Đức	92,59	18	20	6.8	9.1	18	20.8
04	Xã Hòa Bình	88.94	14.5	20	7.5	8.8	18	20.1
05	Thị trấn Tràm Chim	87.84	14.4	19.4	7.5	8.7	18	19.9
06	Xã Phú Thọ	86.88	14.2	19.3	6.8	8.8	18	19.7
07	Xã Tân Công Sính	82,25	11.6	20	6.2	8.4	18	18.1
08	Xã Phú Hiệp	81,94	11.4	18.5	6.6	8.5	18	19
09	Xã Phú Ninh	81	10	19	6.1	8.6	18	19.4
10	Xã An Long	80.98	9.2	19.2	6.6	8.8	18	19.2
11	Xã An Hòa	78.74	7.5	19.9	5.7	8.2	18	19.5
12	Xã Phú Thành B	76,22	12.1	18.6	5.1	8.9	18	13.5

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Chỉ số công khai, minh bạch

1.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận cấu thành.
- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ về Công dịch vụ công quốc gia.

1.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số công khai, minh bạch là 13,9/18 điểm (giảm 4,1 điểm so với thương trước), đạt tỷ lệ 77,2%.

1.3. Nguyên nhân: Còn 1.022 hồ sơ chưa đồng bộ kịp thời, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ đã đồng bộ	Tỷ lệ hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ chưa đồng bộ	Tỷ lệ hồ sơ chưa đồng bộ
1	Xã Phú Thành A	412	100	0	0

2	Xã Phú Cường	460	99,35	03	0,65
3	Xã Hòa Bình	200	80,65	48	19,35
4	Xã Phú Ninh	205	55,26	166	44,74
5	Xã Phú Thành B	80	67,23	39	32,77
6	Xã Tân Công Sính	96	63,58	55	36,42
7	Thị trấn Tràm Chim	307	79,74	78	20,26
8	Xã Phú Đức	407	100	00	
9	Xã Phú Thọ	217	78,78	72	21,22
10	Xã An Hòa	217	41,57	305	58,43
11	Xã Phú Hiệp	146	63,2	85	36,8
12	Xã An Long	176	50,72	171	49,28

2. Chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết

2.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn.
- Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC.

2.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết TTHC là 19,5/20 điểm (*tăng 1,8 điểm so với tháng trước*), đạt 97,74%.

2.3. Nguyên nhân: Trong tháng, tổng số hồ sơ quá hạn thể hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia là **21 hồ sơ và 50 hồ sơ** đang xử lý quá hạn, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Tổng HS xử lý	Hoàn thành đúng hạn	Hoàn thành quá hạn	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn	Tỷ lệ đúng hạn (%)	Tiến độ hoàn thành (100%)
1	Một cửa huyện	62	44	<u>5</u>	6	<u>7</u>	80,65	Không
2	Xã Phú Ninh	208	195	<u>0</u>	3	<u>10</u>	95,19	Không
3	Xã Phú Thọ	286	260	<u>1</u>	17	<u>8</u>	96,85	Không
4	Thị trấn Tràm Chim	314	295	<u>3</u>	9	<u>7</u>	96,82	Không
5	Xã An Long	190	172	<u>0</u>	11	<u>7</u>	96,32	Không
6	Xã Phú Hiệp	161	144	<u>8</u>	5	<u>4</u>	92,55	Không
7	Xã Phú Cường	463	458	<u>0</u>	2	<u>3</u>	99,35	Không
8	Xã Phú Thành B	84	60	<u>4</u>	18	<u>2</u>	92,86	Không
9	Xã Phú Đức	447	433	<u>0</u>	13	<u>1</u>	99,78	Không

10	Xã An Hòa	230	221	<u>0</u>	8	<u>1</u>	99,57	Không
11	Xã Tân Công Sính	101	89	<u>0</u>	12	<u>0</u>	100	Xong
12	Xã Hòa Bình	208	197	<u>0</u>	11	<u>0</u>	100	Xong
13	Xã Phú Thành A	426	409	<u>0</u>	17	<u>0</u>	100	Xong

3. Chỉ số cung cấp dịch vụ công trực tuyến

3.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ.

3.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến là 7,1/12 điểm (*giảm 0,7 điểm so với tháng trước*), đạt tỷ lệ 80,1%, cụ thể:

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ	Nộp trực tiếp	Nộp trực tuyến	Tỷ lệ Nộp trực tiếp (%)	Tỷ lệ Nộp trực tuyến (%)	Tiến độ hoàn thành (50%)
1	Xã Phú Ninh	205	50	155	24.39	75.61	Xong
2	Xã Phú Thọ	271	37	234	13.65	86.35	Xong
3	Thị trấn Tràm Chim	307	63	244	20.52	79.48	Xong
4	Xã An Long	176	37	139	21.02	78.98	Xong
5	Xã Phú Hiệp	146	35	111	23.97	76.03	Xong
6	Xã Phú Cường	460	46	414	10	90	Xong
7	Xã Phú Thành B	80	39	41	48.75	51.25	Xong
8	Xã Phú Đức	407	35	372	8.6	91.4	Xong
9	Xã An Hòa	217	37	180	17.05	82.95	Xong
10	Xã Tân Công Sính	96	36	60	37.5	62.5	Xong
11	Xã Hòa Bình	200	32	168	16	84	Xong
12	Xã Phú Thành A	412	62	350	15.05	84.95	Xong

3.3. Nguyên nhân: Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ chưa đạt chỉ tiêu được giao (90%); một số địa phương có tỷ lệ phát sinh hồ sơ trực tuyến thấp (*xã Phú Thành B, xã Tân Công Sính*).

4. Chỉ số thanh toán trực tuyến

4.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.

4.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số thanh toán trực tuyến là 8,9/10 điểm (*giảm 0,1 điểm so với tháng trước*), đạt 81,03%, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ cần TTTT	Hồ sơ đã TTTT	Hồ sơ TT hình thức khác	Tỷ lệ đã TTTT (%)	Tiến độ HT (45%)
1	Xã Phú Đức	443	414	29	93,45	Xong
2	Xã Phú Cường	404	372	32	92,08	Xong
3	Thị trấn Tràm Chim	316	286	30	90,51	Xong
4	Xã Hòa Bình	196	177	19	90,31	Xong
5	Xã Phú Thành A	406	365	41	89,9	Xong
6	Xã Phú Ninh	207	176	31	85,02	Xong
7	Xã Phú Thọ	284	239	45	84,15	Xong
8	Xã Phú Hiệp	164	137	27	83,54	Xong
9	Xã Phú Thành B	74	56	18	75,68	Xong
10	Xã Tân Công Sính	93	67	26	72,04	Xong
11	Xã An Hòa	281	195	86	69,4	Xong
12	Xã An Long	247	144	103	58,3	Xong
13	Một cửa huyện	68	29	39	42,65	Không

4.3. Nguyên nhân: Một số TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến nhưng chưa phát sinh hồ sơ; một số đơn vị, địa phương thực hiện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến đạt tỷ lệ thấp.

5. Chỉ số về mức độ hài lòng

5.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại
- Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC

5.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số mức độ hài lòng là 18 điểm, đạt tỷ lệ 100%.

5.3. Nguyên nhân: Không.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ

6.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa.
- Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng.
- Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

6.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số số hóa hồ sơ là 19,9/22 điểm (tăng 0,1 điểm so với tháng trước), đạt tỷ lệ 90,7%.

6.3. Nguyên nhân

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có kết quả	Tổng HS đã cấp kết quả điện tử	Tỷ lệ HS cấp kết quả điện tử	Tiến độ hoàn thành (100%)
1	Thị trấn Tràm Chim	305	266	87.21	Không
2	Xã Tân Công Sính	88	66	75	Không
3	Xã Phú Đức	399	373	93.48	Không
4	Xã An Long	168	140	83.33	Không
5	Xã Phú Cường	456	417	91.45	Không
6	Xã Phú Thọ	263	237	90.11	Không
7	Xã Phú Thành A	404	370	91.58	Không
8	Xã Hòa Bình	195	169	86.67	Không
9	Xã Phú Ninh	196	155	79.08	Không
10	Xã Phú Hiệp	145	111	76.55	Không
11	Xã An Hòa	217	187	86.18	Không
12	Xã Phú Thành B	60	32	53.33	Không

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS phải số hóa	Tổng HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tỷ lệ HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tiến độ hoàn thành (100%)
1	Thị trấn Tràm Chim	305	243	79,67	Không

2	Xã Tân Công Sính	88	61	69,32	Không
3	Xã Phú Đức	399	370	92,73	Không
4	Xã An Long	168	138	82,14	Không
5	Xã Phú Cường	456	414	90,79	Không
6	Xã Phú Thọ	263	232	88,21	Không
7	Xã Phú Thành A	404	351	86,88	Không
8	Xã Hòa Bình	195	165	84,62	Không
9	Xã Phú Ninh	196	155	79,08	Không
10	Xã Phú Hiệp	145	110	75,86	Không
11	Xã An Hòa	217	180	82,95	Không
12	Xã Phú Thành B	60	32	53,33	Không

- Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tỷ lệ thấp.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có khai thác, sử dụng lại	Tổng HS đã khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS đã khai thác, sử dụng lại	Tổng HS chưa khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS chưa khai thác, sử dụng lại (%)	Tiến độ đã khai thác, sử dụng lại (50%)
1	Thị trấn Tràm Chim	304	256	84,21	48	15,79	Xong
2	Xã Tân Công Sính	86	74	86,05	12	13,95	Xong
3	Xã Phú Đức	396	392	98,99	4	1,01	Xong
4	Xã An Long	172	74	43,02	98	56,98	Không
5	Xã Phú Cường	453	445	98,23	8	1,77	Xong
6	Xã Phú Thọ	265	163	61,51	102	38,49	Xong
7	Xã Phú Thành A	405	372	91,85	33	8,15	Xong
8	Xã Hòa Bình	196	150	76,53	46	23,47	Xong
9	Xã Phú Ninh	196	190	96,94	6	3,06	Xong
10	Xã Phú Hiệp	144	126	87,5	18	12,5	Xong
11	Xã An Hòa	215	178	82,79	37	17,21	Xong
12	Xã Phú Thành B	70	26	37,14	44	62,86	Không

III. KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ

1. Vẫn còn phát sinh hồ sơ quá hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Số lượng TTHC trực tuyến phát sinh hồ sơ chưa đạt yêu cầu.
3. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt tỷ lệ 100% theo quy định.
4. Còn một số địa phương thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán phí, lệ phí trực tuyến; khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa chưa đạt yêu cầu.

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ THÁNG TIẾP THEO

1. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC để xử lý kịp thời, đúng quy trình và thời gian quy định, hạn chế mức thấp nhất phát sinh hồ sơ quá hạn, trễ hạn trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
2. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tích cực rà soát, xác định nguyên nhân dẫn đến hạn chế nêu trên, đề ra giải pháp khắc phục, thực hiện hiệu quả hơn trong thời gian tới; chủ động phối hợp hoặc kịp thời đề xuất, kiến nghị với cơ quan chức năng hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 11/2024./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NC_{Hiếu}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nam